

Bàn thêm về nguyên tắc chiếm hữu thực sự và chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo (vùng) Hoàng Sa và Trường Sa⁽¹⁾

Nguyễn Bá Điển⁽²⁾ - Nguyễn Bá Hùng Cường⁽³⁾

I. Tổng quan về nguyên tắc chiếm hữu thực sự

Chiếm hữu thực sự (actual occupation), còn gọi là “chiếm cứ hữu hiệu” (effective occupation) là một trong những phương thức thụ đắc lãnh thổ hợp pháp của luật quốc tế và trở thành một trong những nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế hiện đại, làm cơ sở cho việc xác lập chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ vô chủ hoặc bị bỏ rơi. Nguyên tắc này bắt đầu được thừa nhận từ Định ước Berlin ngày 26-2-1885⁽⁴⁾. Đến năm 1888, Viện Pháp luật Quốc tế Lausanne đã ra tuyên bố tiếp tục khẳng định nguyên tắc này, làm cho nó ngày càng được thừa nhận rộng rãi trong quan hệ quốc tế. Nguyên tắc chiếm hữu thực sự đã trở thành một trong những nguyên tắc nền tảng của pháp luật quốc tế hiện đại và có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc xác lập chủ quyền lãnh thổ. Cho đến nay, nguyên tắc này vẫn giữ nguyên giá trị và vẫn được các cơ quan tài phán quốc tế áp dụng trong thực tiễn giải quyết tranh chấp về lãnh thổ. Chính vì vậy, để có thêm cơ sở pháp lý nhằm nhận rõ tính phi lý, phi pháp và tham vọng bành trướng của yêu sách đường lưỡi bò của Trung

Quốc, không thể không dựa trên nguyên tắc quan trọng này của pháp luật quốc tế. Soi chiếu yêu sách đường lưỡi bò và những hành vi của Trung Quốc xâm chiếm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam dưới lăng kính của nguyên tắc chiếm hữu thực sự lại càng thấy rõ thêm tính chất phi lý và phi pháp của yêu sách bành trướng và hành động xâm lược của nhà cầm quyền Trung Quốc đã và đang xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông, vi phạm nghiêm trọng luật pháp quốc tế.

Trải qua một quá trình được thừa nhận và hoàn thiện bởi các nhà luật học hàng đầu trong lĩnh vực Luật quốc tế và được áp dụng rộng rãi trong các phán quyết của các cơ quan tài phán quốc tế từ hơn một thế kỷ, Nguyên tắc chiếm hữu thực sự bao gồm các nội dung chính sau:

i) **Đối tượng chiếm hữu** chỉ được coi là hợp pháp theo luật quốc tế phải là lãnh thổ vô chủ (*terra nullius* - lãnh thổ mà vào thời điểm chiếm hữu không thuộc về bất kỳ quốc gia nào) hoặc lãnh thổ bị bỏ rơi (lãnh thổ đã từng được một quốc gia phát hiện, nay không còn phụ thuộc vào chủ quyền hay tồn tại bất kỳ mối liên

hệ pháp lý nào với quốc gia đó).

ii) **Chủ thể thực hiện việc chiếm hữu**: phải là Nhà nước, bằng hành động của Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức công cộng thực hiện nhân danh Nhà nước⁽⁵⁾.

iii) **Phương pháp chiếm hữu**: phải được tiến hành một cách hòa bình, công khai và liên tục (không gián đoạn và thường xuyên) trên một vùng lãnh thổ thật sự là vô chủ (*res nullius*) hoặc là đã được quốc gia làm chủ chủ động từ bỏ (*derelecto*). Ngoài yếu tố vật chất (*corpus*), và

iv) **Yếu tố tinh thần (yếu tố chủ tâm)**: việc chiếm hữu thật sự đồng thời còn đòi hỏi yếu tố tinh thần (*animus*), phải thể hiện ý chí của quốc gia muốn chiếm hữu lãnh thổ đó. Đối với lãnh thổ bị từ bỏ cũng vậy, việc từ bỏ phải xuất phát từ ý chí của quốc gia và phải có sự từ bỏ về mặt thực tế các hoạt động quản lý cũng như hành động thực thi chủ quyền của quốc gia trên đó.

Charles Rousseau, giáo sư Đại học Luật Paris, ủy viên Viện Pháp luật Quốc tế viết: “Nguyên tắc thật sự chủ yếu được dùng để chứng minh một trật tự đã được thiết lập, được tập quán trọng tài thừa nhận trước năm 1885” và “được khẳng định lại trong

luật pháp quốc tế cả trong lĩnh vực trọng tài cũng như lĩnh vực xét xử”, “nguyên tắc thật sự cũng được luật pháp quốc tế chấp nhận như một yếu tố chủ yếu của chủ quyền mà người ta yêu sách đối với các lãnh thổ vô chủ”⁽⁶⁾.

Nguyên tắc chiếm hữu thực sự đã được áp dụng phổ biến trong suốt mấy thế kỷ qua tại các cơ quan tài phán quốc tế, như: vụ tranh chấp đảo Palmas giữa Mỹ và Hà Lan⁽⁷⁾; vụ tranh chấp về các đảo Ecrehos và Minquiers giữa Anh và Pháp⁽⁸⁾; vụ tranh chấp đảo Clipperton giữa Mexico và Pháp⁽⁹⁾; vụ quy chế pháp lý của Đông Greenland giữa Đan Mạch và Na Uy⁽¹⁰⁾; tranh chấp các đảo giữa Indonesia và Malaysia⁽¹¹⁾, giữa Malaysia với Singapore⁽¹²⁾...

Mặc dù không phải tất cả các nội dung của nguyên tắc này đều được áp dụng như nhau đối với một vụ việc, song nhìn chung, chúng đều đã được áp dụng dựa trên các cơ sở sau đây:

Thứ nhất, Nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền xác lập chủ quyền đối với lãnh thổ đang trong tình trạng không có chủ quyền

Nguyên tắc chỉ có Nhà nước mới là chủ thể của việc thụ đắc lãnh thổ đã được thừa nhận trong pháp luật quốc tế. Việc một hoặc nhiều cá nhân là công dân của một nước thực hiện hành vi chiếm hữu với tư cách cá nhân sẽ không thể tạo ra một danh nghĩa chủ quyền lãnh thổ cho nhà nước đó. Nguyên tắc này đã được nêu ra trong bản án ngày 11-2-1902 của Tòa án dân sự Libreville khi xét xử vụ tranh chấp giữa Société de L'Ogoué và Hatton – Cookson, rằng: “Một vấn đề có tính nguyên tắc trong luật pháp quốc tế là chủ quyền chỉ dành riêng cho Nhà nước và những cá nhân bình thường không thể thực hiện được một sự chiếm hữu”⁽¹³⁾. Quốc gia có thể thực hiện hành động chiếm hữu thông qua một số cơ quan trong bộ máy Nhà nước của mình. Trong nhiều trường hợp Quốc gia đã ủy nhiệm việc chiếm hữu cho



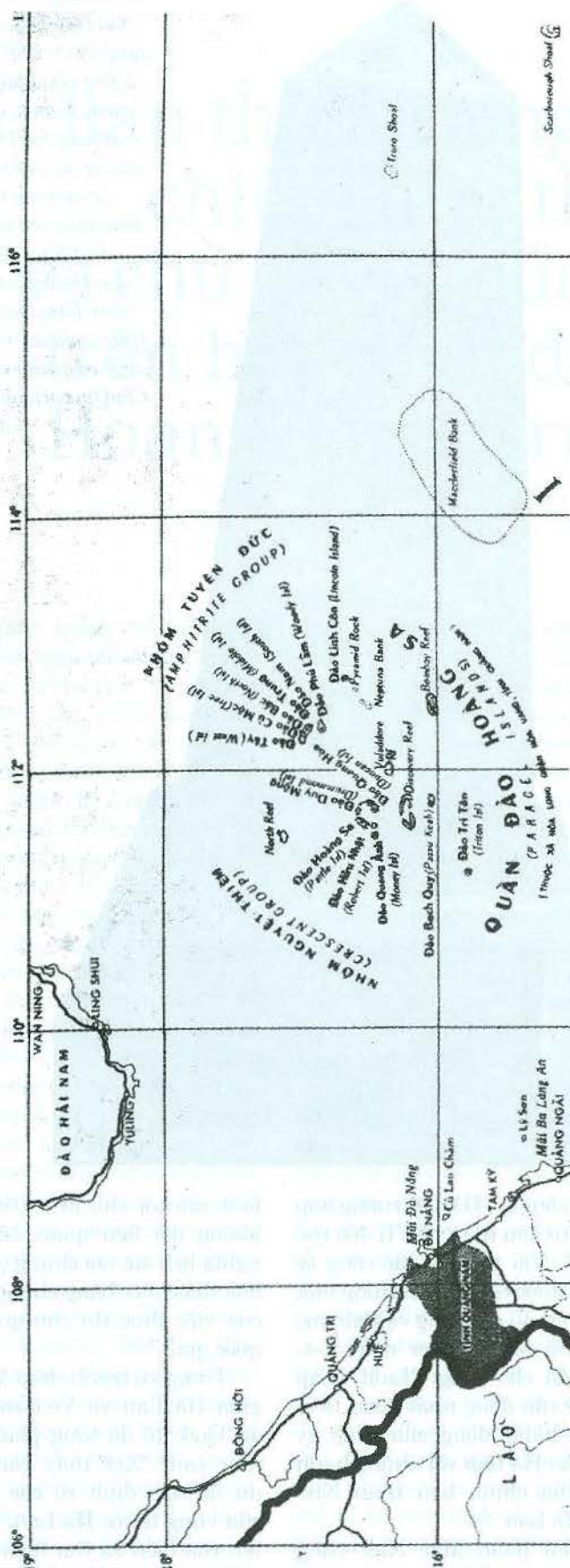
Bia chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa do Pháp dựng 1938. Chữ trên bia: “Cộng hòa Pháp, vương quốc Annam, quần đảo Hoàng Sa, 1816 - đảo Hoàng Sa - 1938” (1816 là năm vua Gia Long thực hiện chủ quyền của Việt Nam đối với các đảo Hoàng Sa, 1938 là năm dựng bia). Nguồn: <http://upload.wikimedia.org/wikipedia/vi/f3/Bia-ChuQuyềnHoàngSaCủa-ViệtNam.jpg>

một số công ty. Đây là trường hợp xảy ra từ đầu thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX. Vai trò của các công ty này đã được công nhận trong một số bản án. Ví dụ trong vụ Palmas, trọng tài Max Huber ngày 4-4-1928, đã cho rằng: “Luật pháp quốc tế cần đồng nhất hoàn toàn những hành động của công ty Đông Ấn Hà Lan với những hành động của chính bản thân Nhà nước Hà Lan”⁽¹⁴⁾.

Thẩm phán Mac Nair cũng đưa ra một kết luận tương tự về vấn đề này: “Một nguyên tắc của

luật mà tôi cho là có tính chất không đổi liên quan đến danh nghĩa lịch sử: nói chung cần phải biết được một bằng chứng nào đó của việc thực thi chủ quyền bởi quốc gia...”⁽¹⁵⁾.

Trong vụ tranh chấp đảo Aves giữa Hà Lan và Venezuela, tòa án Quốc tế đã từng phán quyết như sau: “Xét thấy rằng, mặc dù đã xác định rõ các cư dân của vùng thuộc Hà Lan, đi đánh bắt rùa biển và thu lượm những trứng rùa tại đảo Aves, sự kiện đó không thể tạo ra một cơ sở cho



Lược đồ quần đảo Hoàng Sa. Nguồn Tập san Sử Địa số 29, 1975

chủ quyền bởi vì nó chỉ hàm ý đơn giản một sự chiếm cứ đảo nhất thời và hiếm hoi, hơn nữa nó không thể hiện được một đặc quyền, mà chỉ là hậu quả của việc từ bỏ đánh bắt cá của các cư dân các vùng bên cạnh hoặc của người chủ hợp pháp của vùng đó⁽¹⁶⁾.

Như vậy, vai trò của cá nhân chỉ có giá trị trong việc xác lập chủ quyền khi hoạt động nhân danh nhà nước, được nhà nước ủy quyền. Cá nhân không có quyền hạn đích thực trong việc xác lập chủ quyền lãnh thổ⁽¹⁷⁾.

Thứ hai, phải có những hành động thực thi chủ quyền thực sự - một trong những nội dung cốt lõi của nguyên tắc chiếm hữu thực sự.

Một trong những chuyên gia nổi tiếng về Công pháp quốc tế, Charles Rousseau, đã đưa ra các điều kiện quan trọng của nguyên tắc chiếm hữu thực sự⁽¹⁸⁾, theo đó việc chiếm hữu phải được thực hiện một cách cụ thể thông qua các hoạt động thực thi chủ quyền, chứ không phải bởi các hành vi chỉ có tính chất tượng trưng. Ví dụ: Tháng 6-1909, theo lệnh của Tổng đốc Lương Quảng Trương Nhân Tuấn, Đô đốc Lý Chuẩn dẫn các chiếc pháo *Phục Ba*, *Sâm Hàng* đi "thị sát" vùng biển quần đảo Tây Sa (Hoàng thu đảo Phú Lâm Sa), ngày 6 tháng 6 thì đổ bộ lên, treo cờ, bắn súng, thăm một vài đảo khác rồi về thẳng Quảng Châu⁽¹⁹⁾. Các tài liệu, phương tiện Trung Quốc gọi chuyến đi này là chuyến "thị sát Tây Sa" và đến năm 1932, Trung Hoa Dân Quốc coi cuộc đổ bộ của Lý Chuẩn lên một số đảo ở quần đảo Hoàng Sa như là một mốc thời gian để xác lập chủ quyền. Chuyến của Trung Quốc đối với quần đảo Hoàng Sa. Ngày nay, các phương tiện và sách báo Trung Quốc cũng dùng "viếng thăm" này của Lý Chuẩn làm một trong những căn cứ khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như tranh chấp Biển Đông. Các luật gia Beatrice Orent và Pauline Reinsch cho rằng: "Chỉ phát hiện không thôi thì không gia bao giờ tạo được cơ sở bảo đảm cho một yêu sách đối với đất vô chủ (terra nullius)... Những lễ nghi tượng trưng thường được bố

sung bằng một số hoạt động thực thi quyền lực hành chính nào đó, chẳng hạn như qua việc cấp giấy phép hay bằng việc cho các công dân tự nhân sinh sống tại đó⁽²⁰⁾.

Luật tập quán quốc tế cũng công nhận rằng trong trường hợp yêu sách chủ quyền trên các vùng lãnh thổ thừa dân và không có người đến ở, như trong trường hợp hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, thì sự có mặt thường xuyên trên đó không phải lúc nào cũng là cần thiết. Tòa án Công lý quốc tế của Liên Hiệp Quốc cũng đã có quan điểm về vấn đề này như sau: “Trong trường hợp các yêu sách chủ quyền trên các lãnh thổ nằm trong các miền thừa dân hoặc không có người ở, không phải lúc nào cũng cần thiết phải đòi hỏi có nhiều biểu hiện của việc thực thi các quyền chủ quyền khi không có một sự cạnh tranh nào⁽²¹⁾”.

Trong vụ tranh chấp về Đông Greenland, Tòa án quốc tế đã công nhận chủ quyền của Đan Mạch đối với Đông Greenland mặc dù trước đó ở đây không có dân Đan Mạch. Tòa kết luận rằng: “Có ý định hành động với tư cách là người có chủ quyền lãnh thổ và có sự thực hiện trên thực tế quyền lực Nhà nước là đủ⁽²²⁾”.

Trong vụ Clipperton tranh chấp giữa Pháp và Mexico, Trọng tài tuyên bố: “Nếu một vùng lãnh thổ không có dân cư từ thời điểm chiếm hữu đầu tiên của một quốc gia mà thuộc chủ quyền hoàn toàn và không thể tranh cãi được của quốc gia đó, thì việc chiếm hữu có thể coi là đầy đủ⁽²³⁾”.

Nhiều học giả nổi tiếng cũng ủng hộ triệt để nguyên tắc này. Luật gia Engere Ortolan cho rằng: “Việc phát hiện kèm theo một sự khẳng định công khai về chủ quyền chỉ tạo ra một danh nghĩa sơ khởi (inchoate title) có khả năng gạt những người thứ ba ra khỏi vùng lãnh thổ mà ở đó danh nghĩa này đã được áp dụng trong một khoảng thời

gian cần thiết nhưng không phải là vô hạn để danh nghĩa đó được phát triển bằng việc chiếm hữu, vì khoảng thời gian đó đủ để người có danh nghĩa bổ sung nó bằng việc chiếm hữu thực sự, làm cho danh nghĩa đó không thể bị thay thế. Để hoàn thiện danh nghĩa, làm cho nó thành đầy đủ và chắc chắn, phải có sự chiếm hữu thực sự kèm theo ý định chiếm lấy lãnh thổ đã được phát hiện, có nghĩa là cần phải đặt vùng đất đó thuộc quyền sử dụng của mình và tiến hành các công việc tạo thành một sự xác lập⁽²⁴⁾”.

Charles Rousseau cũng chỉ ra rằng: “Trong mọi trường hợp, hiệu lực của quyền phát hiện chỉ là cung cấp sự khởi đầu của một danh nghĩa hoặc, theo cách diễn đạt của người Anh, tạo nên một danh nghĩa ban đầu, có nghĩa là một danh nghĩa phôi thai và chỉ có giá trị tạm thời đủ để gạt bỏ ngay lập tức - nhưng không phải là mãi mãi - các tham vọng tranh đua của một nước thứ ba trên cùng một lãnh thổ... Đó chỉ là các hành vi tượng trưng mà các quốc gia thứ ba từ chối không công nhận hiệu lực pháp lý, trừ phi chúng được củng cố tiếp theo bởi một sự chiếm cứ lâu dài⁽²⁵⁾”. Danh nghĩa nguyên thủy này phải được củng cố trong một thời gian hợp lý và phải đáp ứng được hai đòi hỏi, đó là: sự khẳng định quyền lực Nhà nước đối với vùng lãnh thổ đó; và không bị các quốc gia khác tranh chấp.

Thứ ba, đối tượng (lãnh thổ) của việc chiếm hữu thực sự phải là lãnh thổ vô chủ (terra nullius) hoặc là bị bỏ rơi (res derelicta) và không thuộc chủ quyền của bất cứ quốc gia nào

Như đã đề cập trong phần trên, theo luật pháp quốc tế, khái niệm lãnh thổ vô chủ còn bao gồm cả lãnh thổ bị bỏ rơi (res derelicta) - Lãnh thổ bị bỏ rơi có thể là vùng đất, đảo... trước

kia đã từng được chiếm hữu, thuộc chủ quyền của một quốc gia nhưng sau đó đã bị quốc gia này từ bỏ chủ quyền. G. Cohen đã nhận xét khi nghiên cứu về các khía cạnh pháp lý của quần đảo Manvinat: “Trong luật quốc tế, tình trạng lãnh thổ bị bỏ rơi là kết quả của hai yếu tố: về mặt vật chất là sự không có mặt của chính quyền thực sự trên lãnh thổ được xét, về mặt tinh thần là sự chủ tâm từ bỏ lãnh thổ đó”. Như vậy, muốn kết luận một lãnh thổ bị từ bỏ phải có đủ 2 yếu tố: a) Nhà nước phải chấm dứt mọi hoạt động thực tế đối với lãnh thổ, và b) Nhà nước không có một biểu hiện nào của ý muốn (ý chí) khôi phục lại chủ quyền đối với lãnh thổ đó. Thiếu một trong hai yếu tố này thì chỉ có thể kết luận là đã có “sự yếu đuối của chính quyền nhà nước đối với vùng đất được nói đến” nó không phải là “một sự từ bỏ tự nguyện chủ quyền⁽²⁶⁾”.

Thứ tư, “yếu tố tinh thần và vật chất” luôn đi kèm trong chiếm hữu thực sự

Trong bản ghi nhớ năm 1909 do Chính phủ Pháp gửi vua Italia Emmanuel III về vụ tranh chấp đảo Clipperton giữa Pháp và Mêhico đã định nghĩa: Chiếm hữu là “sự nắm quyền sở hữu thực sự bởi một chính phủ đối với một lãnh thổ vô chủ với ý định qua đó thụ đắc chủ quyền”. Qua định nghĩa đó, ta có thể thấy muốn thụ đắc chủ quyền bằng phương thức chiếm hữu, quốc gia phải có hành động trên thực tế, sở hữu lãnh thổ vô chủ và đồng thời phải có ý chí chiếm hữu lãnh thổ vô chủ đó⁽²⁷⁾.

Tòa án thường trực trong vụ tranh chấp liên quan đến quy chế pháp lý của Đông Greenland nhận xét rằng: “Một đòi hỏi chủ quyền được dựa không phải trên hành vi hoặc một danh nghĩa riêng biệt nào, như một hiệp ước nhượng địa chẳng hạn, mà đơn giản là dựa trên một sự thực thi liên tục

quyền lực, hàm ý hai thành tố của việc thực thi đó, cần phải được tỏ rõ đối với mỗi bên: **ý muốn và ý chí hành động (chủ tâm)** với tư cách quốc gia có chủ quyền, và việc thể hiện công khai hoặc thực thi hữu hiệu quyền lực đó⁽²⁸⁾. Yếu tố vật chất được thể hiện qua việc chiếm hữu thực sự và hành xử chủ quyền trên lãnh thổ đó. Điều này có nghĩa là quốc gia chiếm hữu phải có sự hiện diện thường trực trên lãnh thổ được chiếm hữu, và phải có những hoạt động hoặc những hành vi có tính quốc gia đối với lãnh thổ đó. Còn yếu tố tinh thần có nghĩa là quốc gia phải có ý định thực sự chiếm hữu mảnh đất đó⁽²⁹⁾. Và sự từ bỏ lãnh thổ cũng phải hội đủ cả hai yếu tố: vật chất, tức là không hành xử chủ quyền trong một thời gian dài, và tinh thần, tức là có ý muốn từ bỏ mảnh đất đó. Phải hội đủ cả hai yếu tố: từ bỏ vật chất và từ bỏ tinh thần thì lãnh thổ đó mới được xem như bị từ bỏ, và trở lại quy chế vô chủ⁽³⁰⁾.

Thứ năm, việc một nhà nước thực hiện các hành vi chủ quyền trên các lãnh thổ chiếm hữu phải bằng các biện pháp hòa bình, công khai và không gặp phải sự phản đối của bất kỳ quốc gia nào khác

Việc chiếm hữu một cách hòa bình có nghĩa là việc chiếm hữu phải được thực hiện thông qua phương thức phi bạo lực, bằng biện pháp hòa bình; không được dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực dưới bất cứ hình thức nào, để tước đoạt, xâm lấn, chiếm giữ lãnh thổ của nước khác. Mặt khác, để thể hiện tính chất hòa bình của sự chiếm hữu, thì việc chiếm hữu phải công khai và được dư luận đương thời chấp nhận⁽³¹⁾. Việc thụ đắc lãnh thổ bằng vũ lực được coi là hành động xâm lược và vì vậy, bị coi là phi pháp và vô giá trị và bị pháp luật quốc tế hiện đại nghiêm cấm. Vì vậy, việc chiếm giữ quần đảo Hoàng Sa bằng

vũ lực vào năm 1974 của Trung Quốc là vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc chiếm hữu thực sự và các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và không thể tạo ra một danh nghĩa pháp lý cho quần đảo này.

Thứ sáu, việc chiếm hữu phải được thực hiện một cách liên tục

Trong vụ Palmas ngày 4-4-1928, Trọng tài Max Huber nhận xét: “Cả trên phương diện thực tế lẫn học thuyết đều thừa nhận rằng việc thực hiện một cách liên tục và hòa bình chủ quyền lãnh thổ là một danh nghĩa tốt”. Luật pháp quốc tế đòi hỏi việc thực hiện các chức năng nhà nước trên vùng lãnh thổ chiếm hữu phải mang tính liên tục, bởi vì sự gián đoạn của việc thực hiện các chức năng Nhà nước trong một khoảng thời gian dài mà không khôi phục lại nó có thể được coi là sự từ bỏ lãnh thổ này⁽³²⁾.

II. Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa dưới ánh sáng của nguyên tắc chiếm hữu thực sự⁽³³⁾

Việc thực thi chủ quyền của Việt Nam đã tuân thủ các nội dung của nguyên tắc chiếm hữu thực sự trong việc khẳng định và thực hiện chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Căn cứ vào các nội dung của nguyên tắc chiếm hữu thực sự theo Định ước Berlin 1885 và Tuyên bố của Viện Pháp luật Quốc tế Lausanne năm 1888 cùng với các Nguyên tắc trong Nghị quyết 2625 của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, các quy định của UNCLOS năm 1982, các phán quyết của các cơ quan tài phán quốc tế hàng trăm năm qua; đối chiếu với quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của Nhà nước Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX và cho đến nay,

sự xác lập chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo này là một sự thật lịch sử-pháp lý hiển nhiên, được thể hiện bằng các hành động thiết thực về sự quản lý, điều hành của các chính thể Nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ (triều đại) một cách nhất quán, công khai, liên tục, hòa bình phù hợp với cơ sở pháp lý quốc tế đương thời.

Sơ chiếu nguyên tắc chiếm hữu thực sự vào việc thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, cũng như dựa trên các bằng chứng lịch sử và căn cứ pháp lý, đều cho thấy rằng các Nhà nước Việt Nam đã chiếm hữu thật sự hai quần đảo này trước tiên, hòa bình, công khai và liên tục từ hàng trăm năm qua. Nói chính xác là các nhà nước Việt Nam trong lịch sử và cho tới nay đã thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa một cách thực sự, liên tục và hòa bình⁽³⁴⁾, ít nhất là từ thế kỷ XVII, khi hai quần đảo này chưa hề thuộc chủ quyền của bất cứ nước nào.

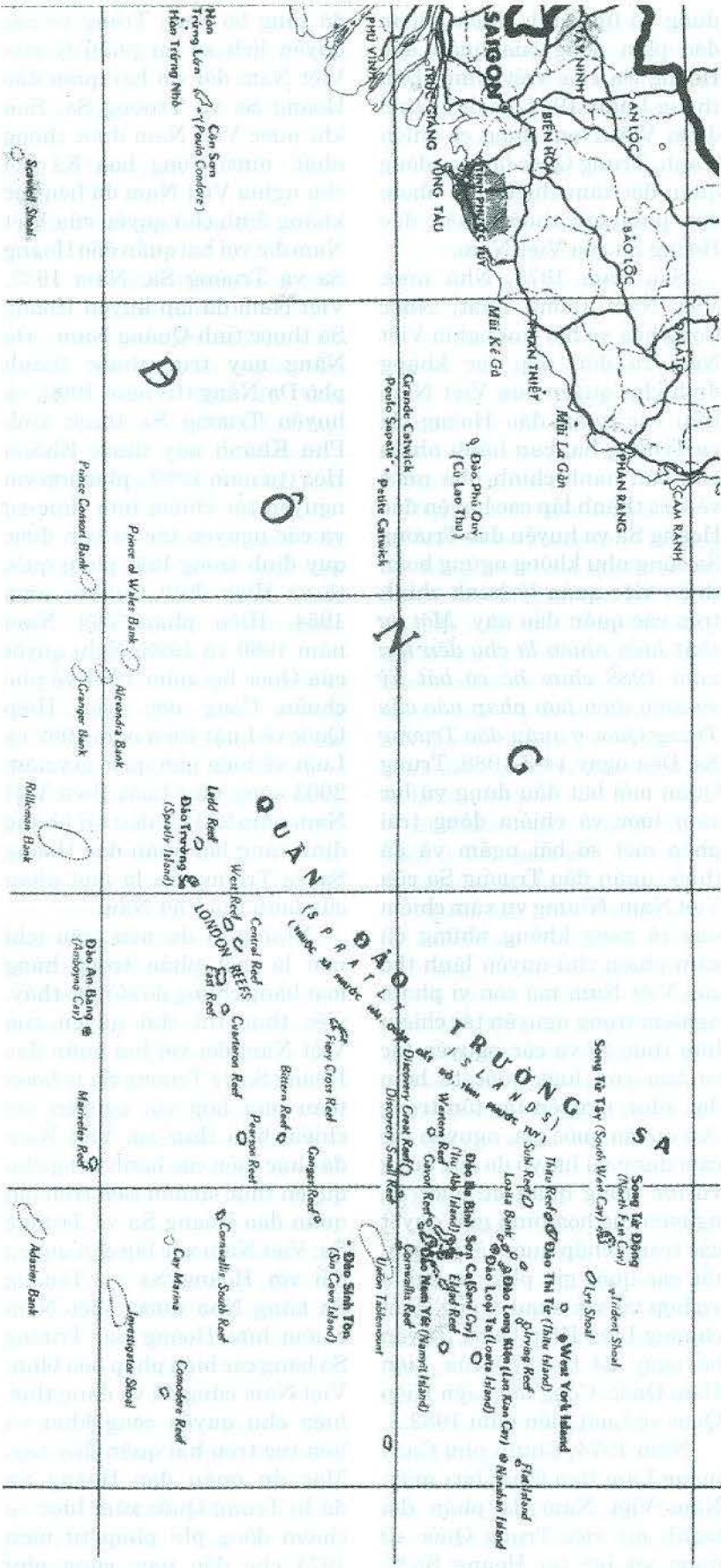
Các bằng chứng lịch sử xác thực mà Việt Nam đã thu thập được rất phong phú, đồ sộ, mặc dù do hoàn cảnh chiến tranh liên tục nên nhiều tài liệu, thư tịch cổ của Việt Nam đã bị mất mát, thủ tiêu, thất lạc.... Tuy nhiên, những tư liệu còn lại đến nay (đã và đang được khai lộ) và các bộ tư liệu lịch sử với những giá trị pháp lý mạnh mẽ vẫn đủ để khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Giáo sư người Pháp Monique, một học giả đã dành nhiều thời gian và nỗ lực trong nghiên cứu về chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, đã nhận định: “Trên thực tế, đã không có một chút dấu vết gì là Trung Quốc đã từng phản kháng lại sự khẳng định chủ quyền của Hoàng đế

Gia Long và các người kế nhiệm ông trong suốt cả thế kỷ XVIII cũng như thế kỷ XIX, khi các vua chúa Việt Nam tổ chức việc khai thác các đảo nằm dưới quyền tài phán của họ một cách hành chính hơn⁽³⁵⁾. Sự im lặng của một nước có hàm ý là đồng ý, nhưng ngược lại, sự phản đối của nước đó sẽ cho phép bảo vệ các quyền của họ⁽³⁶⁾ vì “một chủ quyền bị thách thức phải phản ứng, nếu không sẽ mất hiệu lực”⁽³⁷⁾.

Năm 1951, tại Hội nghị San Francisco (Hoa Kỳ), khi có một đề nghị của Liên Xô (với mục đích chính trị) bổ sung bản dự thảo Hòa ước yêu cầu trao trả cho Trung Quốc hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, thì Hội nghị đã bác bỏ đề nghị này với số phiếu áp đảo là 46 phiếu thuận, 3 phiếu chống và 1 phiếu trắng. Tại Hội nghị này, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Trần Văn Hữu dẫn đầu phái đoàn Chính phủ Quốc gia Việt Nam đã tuyên bố khẳng định chủ quyền lâu đời của người Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà không gặp sự phản đối hay bảo lưu của nước nào⁽³⁸⁾.

Năm 1956, Pháp chuyển giao lãnh thổ miền Nam Việt Nam cho Chính quyền Việt Nam Cộng hòa (VNCH) và chính quyền này đã cho quân đảo về mặt hành chính (lập ở mỗi quần đảo một xã thuộc một huyện ở đất liền), cho xây dựng các bia chủ quyền tại các đảo chính, duy trì các trạm khí tượng (các trạm này đã được đăng ký vào danh mục các trạm của Tổ chức khí tượng thế giới OMM), cho một số nhà kinh doanh ra khai thác phân chim ở Hoàng Sa và cử các đoàn khảo sát khoa học ra hai quần đảo để nghiên cứu⁽³⁷⁾. Lợi dụng thời điểm “tranh tối, tranh sáng” của việc chuyển giao giữa Pháp và chính quyền Việt Nam Cộng hòa, năm 1956 Trung Quốc đã



Lược đồ quần đảo Trường Sa. Nguồn Tập san Sử Địa số 29, 1975

dùng vũ lực đánh chiếm nhóm đảo phía đông của quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Đến tháng 1 năm 1974, lợi dụng thời điểm Việt Nam đang có chiến tranh, Trung Quốc lại huy động quân đội xâm chiếm nốt nhóm đảo phía tây thuộc quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam.

Sau năm 1975, Nhà nước Việt Nam thống nhất, Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời, tiếp tục khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, ban hành nhiều văn bản hành chính nhà nước về việc thành lập các huyện đảo Hoàng Sa và huyện đảo Trường Sa cũng như không ngừng hoàn thiện việc quản lý hành chính trên các quần đảo này. *Một sự thật hiển nhiên là cho đến tận năm 1988 chưa hề có bất kỳ sự hiện diện hợp pháp nào của Trung Quốc ở quần đảo Trường Sa.* Đến ngày 14-3-1988, Trung Quốc mới bắt đầu dùng vũ lực xâm lược và chiếm đóng trái phép một số bãi ngầm và đá thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Những vụ xâm chiếm này rõ ràng không những đã xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam mà còn vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc chiếm hữu thực sự và các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế hiện đại, như: nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia, nguyên tắc cấm dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế, nguyên tắc hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế, nguyên tắc các quốc gia phải có nghĩa vụ hợp tác với nhau, trong Hiến chương Liên Hiệp Quốc, Tuyên bố ngày 24-10-1970 của Liên Hiệp Quốc, Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật biển năm 1982...

Năm 1974, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã phản đối mạnh mẽ việc Trung Quốc sử dụng vũ lực tại Hoàng Sa⁽⁴⁰⁾. Ngày 14-2-1975, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa

đã công bố Sách Trắng về các quyền lịch sử và pháp lý của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Sau khi nước Việt Nam được thống nhất, nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã liên tục khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Năm 1982, Việt Nam đã lập huyện Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng nay trực thuộc thành phố Đà Nẵng (từ năm 1996) và huyện Trường Sa thuộc tỉnh Phú Khánh nay thuộc Khánh Hòa (từ năm 1989), phù hợp với nguyên tắc chiếm hữu thực sự và các nguyên tắc cơ bản được quy định trong luật pháp quốc tế và Hiệp định Genève năm 1954. Hiến pháp Việt Nam năm 1980 và 1992, Nghị quyết của Quốc hội năm 1994 về phê chuẩn Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982 và Luật về biên giới quốc gia năm 2003 cũng như Luật Biển Việt Nam năm 2012... đều tái khẳng định rằng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một phần của lãnh thổ Việt Nam.

Những ví dụ nêu trên (chỉ mới là một phần trong hàng loạt bằng chứng đồ sộ) cho thấy, việc thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc chiếm hữu thực sự: Việt Nam đã thực hiện các hành động chủ quyền thực sự đầu tiên trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; Việt Nam xác lập chủ quyền đối với Hoàng Sa và Trường Sa bằng Nhà nước; Việt Nam chiếm hữu Hoàng Sa, Trường Sa bằng các biện pháp hòa bình; Việt Nam cũng đã và đang thực hiện chủ quyền công khai và liên tục trên hai quần đảo này. Mặc dù quần đảo Hoàng Sa đã bị Trung Quốc xâm lược và chiếm đóng phi pháp từ năm 1974 cho đến nay, cũng như đối với các thực thể trong quần đảo Trường Sa bị Trung Quốc

chiếm đoạt bằng vũ lực từ các năm 1988, 1992,... Nhà nước Việt Nam vẫn chưa bao giờ từ bỏ ý chí thực thi chủ quyền với tư cách là sở hữu chủ hợp pháp đối với hai quần đảo này và liên tục phản kháng những hành động phi lý và phi pháp của Trung Quốc⁽⁴¹⁾. Đúng như luật gia danh tiếng Monique Chemillier đã nhận định: “Việt Nam cảnh giác cao độ trong việc tiếp tục khẳng định chủ quyền của mình đối với toàn bộ hai quần đảo. Yêu sách này là sự liên tục các quyền của vương triều An Nam xưa kia, sau đó là của Pháp thay mặt cho nước Việt Nam thuộc địa và đã có sự chiếm đóng thật sự hai quần đảo. Việc Trung Quốc sử dụng vũ lực để chiếm đóng Hoàng Sa năm 1956 nhưng nhất là năm 1974, sau đó, chiếm đóng một số đảo nhỏ của Trường Sa năm 1988 đã kéo theo sự mất yếu tố vật chất đối với Việt Nam. Chính phủ Việt Nam hình như rất chú ý không để cho việc này chuyển hóa thành một sự từ bỏ do thiếu các dấu hiệu ý định. Vì vậy, Chính phủ Việt Nam đã hết sức lo lắng tăng thêm các dấu hiệu này và không bỏ lỡ dịp nào để nhắc lại các quyền của họ. Chính phủ Việt Nam đã làm việc này qua rất nhiều hành vi, thông cáo hoặc tuyên bố”...⁽⁴²⁾.

Như vậy, dưới ánh sáng của pháp luật quốc tế, nhất là nguyên tắc chiếm hữu thực sự, Việt Nam có đầy đủ chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền lâu đời, hòa bình và liên tục của mình đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa⁽⁴³⁾. ■

CHÚ THÍCH:

1. Xem thêm: Nguyễn Bá Diến, *Yêu sách đường lưỡi bò phi lý của Trung Quốc và chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông*, Sách chuyên khảo, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2015, Giải Bạc

Sách hay Hội Xuất bản Việt Nam, 2016; Nguyễn Bá Diến, Nguyễn Hùng Cường, “Chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và nguyên tắc chiếm hữu thực sự trong luật quốc tế”, Tạp chí *Khoa học ĐHQGHN, Luật học*, tập 30, Số 1 (2014)13-22; Nguyễn Bá Diến, “Về bức thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngày 14-9-1958 và vấn đề chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học ĐHQGHN, Luật học* 27 (2011) 240-245; “Nguyễn Bá Diến, Bức thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng và nguyên tắc estoppel”, báo *Tiến Phong*, <https://www.tienphong.vn/xa-hoi/buc-thu-cua-thu-tuong-pham-van-dong-va-nguyen-tac-estoppel-713012.tpo>

2. GS. TS. Chủ tịch hội đồng Viện Nghiên cứu Khoa học Biển và Hải đảo (Srisai), Giám đốc Trung tâm luật biển và hàng hải quốc tế.

3. TS. Trường phòng hợp tác quốc tế, Viện nghiên cứu khoa học biển và hải đảo (Srisai).

4. The Berlin Conference (1884–1885), The Treaty of Berlin, 1885.

5. Các cá nhân và công ty được thành lập trên lãnh thổ vô chủ có các quyền sở hữu nhưng không có chủ quyền, trừ trường hợp các công ty đặc trách thời thuộc địa (companies à charte). Đây là những công ty hoặc tổ chức công được Nhà nước trao quyền thực hiện các hành động để chiếm hữu lãnh thổ, ví dụ: trường hợp các công ty của một số nước châu Âu như Anh, Pháp, Hà Lan... được thành lập để “chinh phục các miền đất mới” và khai thác chúng.

6. Hoàng Trọng Lập, “Tranh chấp hai quần đảo Hoàng Sa- Trường Sa và Luật pháp quốc tế”, Luận án phó tiến sĩ khoa Luật học, Chương I: “Vấn đề xác lập chủ quyền lãnh thổ trong pháp luật quốc tế”, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội, năm 1996, <http://bauvinal.info.free.fr/tulieu/vandexaclapchuquyenlanhtho-HoangTrongLap.pdf>

7. Phán quyết của PCA (1925-1928).

8. Phán quyết của ICJ (1951-

1953).

9. Phán quyết của PCA năm 1931.

10. Phán quyết của ICJ (1988-1993).

11. Phán quyết của ICJ (1998-2002).

12. Phán quyết của ICJ (2003-2008).

13. Brownlie’s Principles of Public International Law 217 (8th ed.), Oxford University Press, 2012, p.48.

14. “Xác lập chủ quyền lãnh thổ (tiếp theo)”, Theo TC biển, [http://bientoancanh.vn/Xac-lap-chu-quyen-lanh-tho-\(tiap-theo\)-C28_D2871.htm](http://bientoancanh.vn/Xac-lap-chu-quyen-lanh-tho-(tiap-theo)-C28_D2871.htm), Thứ hai, ngày 02/04/2012, 22:04.

15. Vụ tranh chấp về ngư trường giữa Anh và Na Uy, Phán quyết ngày 18 tháng 12 năm 1951, ICJ, Rec, 1951, Ý kiến phản đối của thẩm phán Ngài Arnol Mac Nair, tr.184.

Nguồn: X.T, “Một số nhận xét về các luận cứ mà Trung Quốc sử dụng để chứng minh chủ quyền từ lâu đời đối với hai quần đảo Tây Sa và Nam Sa”, (Kỳ cuối), <http://biendong.net/tu-lieu/nghien-cuu-quoc-te/190-mot-so-nhan-xet-ve-cac-luan-cu-ma-trung-quoc-su-dung-chung-minh-chu-quyen-tu-lau-doi-doi-voi-hai-quan-dao-tay-sa-va-nam-sa.html>, 08/12/2010 08:23.

16. Tuyển tập các phán quyết trọng tài quốc tế, A. de la Pradelle và N. Politis, Quyển II, trang 414. Nguồn: X.T, “Một số nhận xét về các luận cứ mà Trung Quốc sử dụng để chứng minh chủ quyền từ lâu đời đối với hai quần đảo Tây Sa và Nam Sa”, (Kỳ cuối), <http://biendong.net/tu-lieu/nghien-cuu-quoc-te/190-mot-so-nhan-xet-ve-cac-luan-cu-ma-trung-quoc-su-dung-chung-minh-chu-quyen-tu-lau-doi-doi-voi-hai-quan-dao-tay-sa-va-nam-sa.html>, 08/12/2010 08:23

17. “Xác lập chủ quyền lãnh thổ (tiếp theo)”, Theo TC biển, [http://bientoancanh.vn/Xac-lap-chu-quyen-lanh-tho-\(tiap-theo\)-C28_D2871.htm](http://bientoancanh.vn/Xac-lap-chu-quyen-lanh-tho-(tiap-theo)-C28_D2871.htm), Thứ hai, ngày 02/04/2012, 22:04

18. Hoàng Trọng Lập, “Tranh chấp hai quần đảo Hoàng Sa-

Trường Sa và Luật pháp quốc tế”, Luận án phó tiến sĩ khoa Luật học, Chương I: “Vấn đề xác lập chủ quyền lãnh thổ trong pháp luật quốc tế”, <http://bauvinal.info.free.fr/tulieu/vandexaclapchuquyenlanhtho-HoangTrongLap.pdf>.

19. https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%BD_Chu%E1%BA%A9n https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%BD_

20. Beatrice Orent và Pauline Reinsch, “Chủ quyền trên các đảo trong Thái Bình Dương, American Journal of International Law”, (1991), Tạp chí *Luật quốc tế Mỹ*, tr.443 và tiếp theo.

Nguồn: X.T, “Một số nhận xét về các luận cứ mà Trung Quốc sử dụng để chứng minh chủ quyền từ lâu đời đối với hai quần đảo Tây Sa và Nam Sa”, (Kỳ cuối), <http://biendong.net/tu-lieu/nghien-cuu-quoc-te/190-mot-so-nhan-xet-ve-cac-luan-cu-ma-trung-quoc-su-dung-chung-minh-chu-quyen-tu-lau-doi-doi-voi-hai-quan-dao-tay-sa-va-nam-sa.html>, 08/12/2010 08:23.

21. Tòa án công lý quốc tế, *Tư vấn pháp lý liên quan đến vấn đề Tây Sahara*, Tuyển tập 1975, tr.42.

Nguồn: X.T, “Một số nhận xét về các luận cứ mà Trung Quốc sử dụng để chứng minh chủ quyền từ lâu đời đối với hai quần đảo Tây Sa và Nam Sa”, (Kỳ cuối), <http://biendong.net/tu-lieu/nghien-cuu-quoc-te/190-mot-so-nhan-xet-ve-cac-luan-cu-ma-trung-quoc-su-dung-chung-minh-chu-quyen-tu-lau-doi-doi-voi-hai-quan-dao-tay-sa-va-nam-sa.html>, 08/12/2010 08:23.

22. Hoàng Trọng Lập, “Tranh chấp hai quần đảo Hoàng Sa- Trường Sa và Luật pháp quốc tế”, Luận án phó tiến sĩ khoa Luật học, Chương I: “Vấn đề xác lập chủ quyền lãnh thổ trong pháp luật quốc tế”, <http://bauvinal.info.free.fr/tulieu/vandexaclapchuquyenlanhtho-HoangTrongLap.pdf>.

23. Hoàng Trọng Lập, “Tranh chấp hai quần đảo Hoàng Sa- Trường Sa và Luật pháp quốc tế”, Luận án phó tiến sĩ khoa Luật học, Đại học khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, năm 1996, Chương I: “Vấn đề xác lập chủ

quyền lãnh thổ trong pháp luật quốc tế", <http://bauvinal.info.free.fr/tulieu/vandexaclapchuquyenlanhtho-HoangTrongLap.pdf>.

24. Monique Chemillier-Gendreau, *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, tr.59.

Nguồn: X.T, "Một số nhận xét về các luận cứ mà Trung Quốc sử dụng để chứng minh chủ quyền từ lâu đời đối với hai quần đảo Tây Sa và Nam Sa", (Kỳ cuối), <http://biendong.net/tu-lieu/nghien-cuu-quoc-te/190-mot-so-nhan-xet-ve-cac-luan-cu-ma-trung-quoc-su-dung-chung-minh-chu-quyen-tu-lau-doi-doi-voi-hai-quan-dao-tay-sa-va-nam-sa.html>, 08/12/2010 08:23.

25. Charles Rousseau, *Công pháp quốc tế*, (tr.162 – 164).

Nguồn: X.T, "Một số nhận xét về các luận cứ mà Trung Quốc sử dụng để chứng minh chủ quyền từ lâu đời đối với hai quần đảo Tây Sa và Nam Sa", (Kỳ cuối), <http://biendong.net/tu-lieu/nghien-cuu-quoc-te/190-mot-so-nhan-xet-ve-cac-luan-cu-ma-trung-quoc-su-dung-chung-minh-chu-quyen-tu-lau-doi-doi-voi-hai-quan-dao-tay-sa-va-nam-sa.html>, 08/12/2010 08:23.

26. "Xác lập chủ quyền lãnh thổ (tiếp theo)", Theo TC biển, [http://bientoancanh.vn/Xac-lap-chu-quyen-lanh-tho-\(tiếp-theo\)-C28_D2871.htm](http://bientoancanh.vn/Xac-lap-chu-quyen-lanh-tho-(tiếp-theo)-C28_D2871.htm), Thứ hai, ngày 02/04/2012, 22:04.

27. "Xác lập chủ quyền lãnh

thổ (tiếp theo)", Theo TC biển, [http://bientoancanh.vn/Xac-lap-chu-quyen-lanh-tho-\(tiếp-theo\)-C28_D2871.htm](http://bientoancanh.vn/Xac-lap-chu-quyen-lanh-tho-(tiếp-theo)-C28_D2871.htm), Thứ hai, ngày 02/04/2012, 22:04.

28. Tòa án pháp lý thường trực, CPJI, Tuyển tập, serie A/B. N. 53, tr.45-46.

Nguồn: X.T, "Một số nhận xét về các luận cứ mà Trung Quốc sử dụng để chứng minh chủ quyền từ lâu đời đối với hai quần đảo Tây Sa và Nam Sa", (Kỳ cuối), <http://biendong.net/tu-lieu/nghien-cuu-quoc-te/190-mot-so-nhan-xet-ve-cac-luan-cu-ma-trung-quoc-su-dung-chung-minh-chu-quyen-tu-lau-doi-doi-voi-hai-quan-dao-tay-sa-va-nam-sa.html>, 08/12/2010 08:23.

29. Từ Đặng Minh Thu, "Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Thử phân tích lập luận của Việt Nam và Trung Quốc", https://www.tapchithoidai.org/Thoi-Dai11/200711_TuDangMinhThu.htm.

30. Tlđđ.

31. Hoàng Trọng Lập, "Tranh chấp hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa và Luật pháp quốc tế", Luận án phó tiến sĩ khoa Luật học, Đại học khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, năm 1996, Chương I: "Vấn đề xác lập chủ quyền lãnh thổ trong pháp luật quốc tế", <http://bauvinal.info.free.fr/tulieu/vandexaclapchuquyenlanhtho-HoangTrongLap.pdf>.

32. Hoàng Trọng Lập, "Tranh chấp hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa và Luật pháp quốc tế", Luận án phó tiến sĩ khoa Luật học, Đại học khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, năm 1996, Chương I: "Vấn đề xác lập chủ quyền lãnh thổ trong pháp luật quốc tế", <http://bauvinal.info.free.fr/tulieu/vandexaclapchuquyenlanhtho-HoangTrongLap.pdf>.

33. Xem thêm Nguyễn Bá Diễn, Nguyễn Hùng Cường, "Chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và nguyên tắc chiếm hữu thực sự trong luật quốc tế", Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học, tập 30, Số 1 (20-14) 13-22.

34. "Cơ sở pháp lý quốc tế về sự thiết lập chủ quyền lãnh thổ tại

các hải đảo", Báo điện tử Quân đội nhân dân Việt Nam, <http://www.qdnd.vn/qdndsite/vi-VN/61/156111/print/Default.aspx>, QĐND - Thứ Ba, 02/08/2011, 21:36 (GMT+7), Theo báo Đại Đoàn Kết.

35. Monique Chemillier - Gendreau (1998), *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa (Sách khảo)*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

36. Tlđđ, tr.100.

37. Jean Pierre Cot (1962), *Đại sự ký xét xử quốc tế*, Vụ Đền Preach Vihear, Niên giám Luật quốc tế của Pháp, 1962, tr.243.

38. "Cơ sở pháp lý quốc tế về sự thiết lập chủ quyền lãnh thổ tại các hải đảo", Báo điện tử Quân đội nhân dân Việt Nam, <http://www.qdnd.vn/qdndsite/vi-VN/61/156111/print/Default.aspx>, QĐND - Thứ Ba, 02/08/2011, 21:36 (GMT+7), Theo báo Đại Đoàn Kết.

39. Xuân Thành, "Những chứng cứ về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa", <http://biendong.net/binh-luan/235-nhng-chng-c-v-ch-quyn-ca-vit-nam-i-vi-hai-qun-o-hoang-sa-va-trng-sa.html>, 07/01/2011 02:13.

40. Sách Trắng Bộ Ngoại giao Việt Nam năm 1988, "The Hoang Sa (Paracel) and Truong Sa (Spratly) Archipelagoes and International Law 32 (1988)", tại <http://www.presscenter.org.vn/en/images/42905-bngvietnam88.pdf> (truy cập ngày 30-3-2012).

41. Xem thêm: Monique Chemillier-Gendreau (1998), *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

42. Monique Chemillier-Gendreau (1998), *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.149.

43. "Cơ sở pháp lý quốc tế về sự thiết lập chủ quyền lãnh thổ tại các hải đảo", Báo điện tử Quân đội nhân dân Việt Nam, <http://www.qdnd.vn/qdndsite/vi-VN/61/156111/print/Default.aspx>, QĐND - Thứ Ba, 02/08/2011, 21:36 (GMT+7), Theo báo Đại Đoàn Kết.

TIN BUỒN

Được tin GS. NGND. Phan Đại Đoàn, sinh năm 1936, người đã giảng dạy và hoạt động lâu năm trên lĩnh vực sử học, cộng tác viên của Tạp chí Xưa & Nay, đã từ trần ngày 7-8-2019 (tức ngày 7-7 năm Kỷ Hợi), hưởng thọ 83 tuổi.

Hội KHL SVN, Tạp chí Xưa & Nay bày tỏ sự thương tiếc và chia buồn cùng gia đình Giáo sư.

XN